TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 288/2024/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1992

Nơi ĐKHKTT: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1992

Nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C. Người đại diện: ông Trần Quốc P – Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Quốc K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Quốc K tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 người tên là Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 08/6/2016 và Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 25/7/2019. Cháu Như Ý có nguyện vọng được sống chung với anh K khi chị N, anh K ly hôn. Chị N, anh K tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn, anh K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Như Ý(theo nguyện vọng của con) và Nguyễn Quốc Đ.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết chị N có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng anh K chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Quốc K không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản nên không xem xét.

Về nợ: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Quốc K khai hiện còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền 50.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh K tự nguyện trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ 50.000.000 đồng gốc và tiền lãi khi đến hạn. Ông Trần Quốc P là người đại diện Ngân hàng có văn bản chấp nhận cho anh K trả toàn bộ nợ gốc và lãi khi đến hạn và không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ của anh K trong vụ kiện ly hôn giữa chị N và anh K nên Tòa án không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002331 ngày 26 tháng 3 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị N 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Anh Nguyễn Quốc K không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã Huyền Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang